

Làm quen với Máy tính và Windows 7

Bài này hướng dẫn những bạn chưa có điều kiện tiếp xúc với máy tính từ cách bật/tắt máy tính, sử dụng con chuột, bàn phím cho đến các thao tác với hộp thoại, menu ngữ cảnh trong Windows. Các thao tác quen thuộc nhất trong Windows như phóng to-thu nhỏ khung cửa sổ, cắt-dán dữ liệu, tạo/lưu/mở file, và gõ tiếng Việt sẽ được minh họa qua chương trình Paint và WordPad. Giao diện và các thao tác trên Paint và WordPad là khuôn mẫu chung của các phần mềm khác mà sau này bạn sẽ gặp.

Contents

Làm	quen với Máy tính và Windows 7	1
1.	Bật, tắt máy tính đúng cách	2
2.	Đăng nhập vào Windows	2
3.	Màn hình nền, thanh taskbar và các biểu tượng	3
4.	Thao tác với chuột	4
5.	Giao diện cửa sổ của chương trình ứng dụng	5
6.	Cắt dán dữ liệu qua Clipboard	10
7.	Tạo file mới, mở file cũ, lưu file hiện hành và hộp thoại Open, Save as	11
8.	Menu ngữ cảnh và phím ESC	14
9.	Bàn phím và các thao tác xử lí kí tự đơn giản	15
10). Gõ tiếng Việt	18
11	. Refresh - F5	23
12	2. Treo máy: CTRL+ALT+DELETE và Windows Task manager	23
13	8. Ba tùy chỉnh đơn giản với giao diện Windows	24
14	. Xem thông tin về hệ điều hành và phần cứng của máy tính	26
15	5. Đăng xuất, tắt máy và ngủ đông	28

1. Bật, tắt máy tính đúng cách

Nút bấm và đèn báo trên case và màn hình

Với máy tính để bàn (desktop), trên case (thùng máy) thường sẽ có 2 nút: nút Power (nút to) dùng để bật/tắt nguồn điện vào máy tính và nút Reset (nút nhỏ) có chức năng tắt rồi ngay sau đó bật lại nguồn điện cho máy tính (còn gọi là khởi động nóng). Máy xách tay thường chỉ có một nút Power.

Case của máy tính có hai đèn: đèn Power – báo hiệu máy tính đang bật, đèn HDD – chỉ sáng khi ổ đĩa cứng đang chạy tức là khi máy tính đang thực hiện một công việc nào đó.

Màn hình máy tính để bàn có: một nút Power để bật/tắt nguồn điện và các nút điều khiển độ sáng tối, tần số của màn hình, ... Khi màn hình được bật, đèn Power của màn hình sẽ vàng nếu màn hình đang hiển thị dữ liệu của case, và nó sẽ đỏ nếu case tắt hoặc khi màn hình không được nối với case.

Bật máy tính

Để bật máy tính bạn phải bật cả case và màn hình. Dây nguồn điện của màn hình thường được nối vào nguồn điện của case nên khi bật case, màn hình cũng tự bật theo; nếu không bạn phải tự bật màn hình nữa. Chú ý có thể màn hình đang tắt nhưng case vẫn đang chạy và ngược lại.

Ngay khi case được bật, nó sẽ kiểm tra nhanh phần cứng của máy tính: nếu tất cả đều ổn, sẽ có một tiếng bíp được phát ra; nếu không, tiếng bíp sẽ khác đi. Ví dụ nếu bộ nhớ RAM của máy tính bị lỏng, case sẽ phát ra một tràng dài tiếng bip liên tục.

Sau quá trình kiểm tra nhanh này, hệ điều hành sẽ được chạy.

Tắt/khởi động lại máy tính

Việc tắt đột ngột nguồn điện của máy tính có thể gây ra mất dữ liệu và gây ra sốc điện làm hại ổ cứng, ổ đĩa CD. Cách tắt/khởi động lại máy tính đúng cách là ra lệnh cho hệ điều hành làm (nói ở mục 14), nó sẽ dọn dẹp và lưu trữ dữ liệu, rồi sau đó tự tắt/khởi động lại nguồn điện. Việc tắt máy chỉ tắt case, không tắt màn hình.

Khi máy tính bị treo (dù bạn làm gì máy tính cũng không thay đổi trạng thái) bạn hãy thử bấm CTRL + ALT + DELETE để thoát khỏi tình trạng này (nói ở mục 14). Nếu không được bạn buộc phải khởi động lại máy bằng các: bấm nút Reset trên case hoặc *giữ nút Power cho đến khi case tự tắt nguồn điện*.

2. Đăng nhập vào Windows

Windows là hệ điều hành đa người dùng (multiuser). Nhiều người có thể dùng Windows mà mỗi người có thể tùy chỉnh Windows theo ý mình mà không ảnh hưởng đến người khác. Mỗi

người dùng sẽ có một user account (tài khoản người sử dụng) để truy cập vào Windows và các tùy chỉnh riêng của người đó sẽ được lưu trong account đó.



Ví dụ về màn đăng nhập Windows với 4 user accounts: Bill Gates, Bill Joy, Eric Schmidt, Steve Jobs.

Khi Windows khởi động, màn đăng nhập (log in) hiên ra và người dùng sẽ chọn user account của mình như hình vẽ dưới đây. Nếu Windows chỉ có một account và không đặt password (mật khẩu) thì màn đăng nhập này sẽ được bỏ qua.

3. Màn hình nền, thanh taskbar và các biểu tượng

Sau khi đăng nhập, bạn sẽ thấy màn hình nền của Windows 7 với các thành phần:

- Ảnh nền màn hình. Người dùng có thể thay đổi được (xem mục 12).
- Các biểu tượng (icon) chương trình. Một số chương trình cài đặt trên Windows sẽ có biểu tượng đặt ở màn hình nền, kích đúp chuột vào đó bạn sẽ chạy chương trình.
- Thank taskbar:
 - Nút bấm Start: đây là nút dẫn tới menu (bảng lựa chọn) các chương trình được cài đặt trên Windows. Trên menu start có hộp tìm kiếm giúp bạn tìm các chương trình được cài đặt trên máy và các tùy chỉnh của Control Panel.
 - Vùng notification: vùng này để hiển thị trạng thái của máy tính (như độ to nhỏ (volume) của loa, tình trạng pin của máy xác tay, ngày giờ hiện tại) hoặc các thông báo của Windows (như một thiết bị lưu trữ USB vừa được cắm vào máy tính, vừa cập nhật xong một bản vá lỗi, tìm thấy phần mềm độc hại trên USB)
 - Phần giữa của thanh taskbar: Mỗi một chương trình khi mở sẽ tạo một biểu tượng ở phần giữa của thanh taskbar.



Chú ý: thao tác bấm chuột vào nút Start sẽ tương đương với bấm phím 🚱 (gọi là **phím Windows** - nằm giữa CTRL trái và ALT trái) trên bàn phím.

4. Thao tác với chuột

Chuột máy tính thường có hai nút bấm và một nút lăn (cuộn) nằm ở giữa. Với máy tính xách tay, máy tính bảng: chuột được thay bằng một bản cảm ứng, gọi là touchpad, và người dùng di ngón tay trên bản này để điều khiển chuột. Hai nút bấm trên touchpad của laptop tương đương với hai nút bấm của chuột máy tính bàn.

Có 5 thao tác với chuột:

 Click (nhấp chuột - bấm nút trái chuột đúng 1 lần): chọn một đối tượng. Ví dụ bạn muốn xóa một biểu tượng trên màn hình nền thì hãy click chuột vào biểu tượng đó cho màu của nó sẫm lại rồi bấm phím Delete. Thao tác click chuột cũng có thể được dùng để mở một chương trình trong menu Start. Ví dụ bạn click vào Start → All programs → Accessories → Paint để mở chương trình Paint.



- Double click (kích đúp bấm nút trái chuột 2 lần thật nhanh): kích hoạt (mở, chạy) một đối tượng. Để chạy một chương trình có biểu tượng trên màn hình nền thì kích đúp chuột vào biểu tượng đó. Chú ý nếu bạn kích đúp chuột mà không đủ nhanh thì Windows sẽ hiểu đây là 2 thao tác click chuột và việc làm này sẽ thành đổi tên đối tượng.
- Right click (bấm nút phải chuột đúng 1 lần): để hiển thị menu ngữ cảnh chứa các thuộc tính, tùy chỉnh với đối tượng. Ví dụ khi bấm nút phải chuột vào một biểu tượng trên nền màn hình, bạn sẽ thấy một menu (bảng chọn) hiện ra với các lựa chọn là: xóa, đổi tên, di chuyển, copy biểu tượng.
- Drag and drop (kéo thả chuột, còn gọi là rê chuột bấm và giữ nút trái chuột rồi di chuyển chuột (nhưng vẫn giữ nút trái chuột) cho đến khi vừa ý thì thả ra): di chuyển một đối tượng. Ví dụ thao tác này được dùng để di chuyển vị trí của một biểu tượng trên màn hình nền.
- Scroll (lăn nút giữa của chuột): cuộn thanh trượt của một khung cửa sổ (xem ví dụ dưới đây).

5. Giao diện cửa sổ của chương trình ứng dụng

Phần mềm ứng dụng vs hệ điều hành

Phần mềm được phân làm 2 loại:

- Phần mềm hệ thống: điển hình nhất là hệ điều hành (operating system)
- Phần mềm ứng dụng hay ứng dụng (application): phần mềm kế toán, soạn thảo văn bản,
 vẽ kiến trúc, nghe nhạc, tra từ điển, diệt virus, đọc thư điện tử, download nhạc v.v

Hệ điều hành làm nhiệm vụ điều khiển phần cứng máy tính (như CPU, RAM); phần mềm ứng dụng được cài đặt trên nền hệ điều hành, nó tương tác với người dùng và hệ điều hành chứ không điều khiển trực tiếp phần cứng.

Chạy một phần mềm (chương trình) ứng dụng

Nếu có mỗi hệ điều hành không thì bạn không làm gì được nhiều với máy tính nên bạn phải cài đặt thêm các phần mềm ứng dụng. Tất cả các phần mềm ứng dụng được liệt kê trong menu Start | All programs. Microsoft cung cấp sẵn một số phần mềm đơn giản (gọi là accessories – phụ kiện) đi kèm với Windows như Wordpad (soạn thảo văn bản), Paint (vẽ



tranh), Windows Media Player (nghe nhạc, xem phim) ... và tất cả được đặt trong Start | All programs | Accessories.

Để chạy một phần mềm đã được cài đặt trên máy, bạn có thể làm theo một trong các cách sau:

- Tìm biểu tượng của phần mềm trên màn hình nền và kích đúp chuột vào nó
- Chọn menu Start | All programs và tìm tên phần mềm rồi nhấp chuột vào
- Gõ một phần (không cần phải tất cả) của tên chương trình trong hộp tìm kiếm của menu Start (chỗ ghi Search programs and files) sau đó bấm vào nếu bạn thấy tên chương trình. Ví dụ nếu bạn muốn mở PowerPoint nhưng chỉ nhớ được

WordPad	Help and Support	
All Programs		
Search programs and files 1	Shut down 🕨	
🔕 🎯 🚞 🔕		

Ð

100% 😑

chữ "power" thì gõ vào hộp tìm kiếm, bạn sẽ thấy cả tên Microsoft Power Point hiện ra.

Các thành phần của một khung cửa sổ chương trình

Giao diện của mỗi chương trình được đặt trong một khung cửa sổ riêng biệt và bạn có thể mở nhiều những khung cửa sổ này cùng một lúc – đây là lí do hệ điều hành có tên gọi Windows. Hình vẽ dưới đây minh họa khung cửa sổ chương trình Paint (mở Paint bằng cách chọn Start|All Programs|Accessories|Paint).

tên chương trình	thanh tiêu đề	
🚳 🔛 🥱 🥐 🖛 Untitled - Paint		
Home View	🚽 thanh men	
Paste Clipboard Image Tools	Brushes Shapes Shapes	
		0
± 1 <u>□</u>	1☐ 485 × 246px 🛛	
Khung cửa sổ chương trì	nh thường có các thành	Edit Colors
pilali sau.	-	
	6	

- Thanh tiêu đề (title bar): chứa tên chương trình. Ví dụ với chương trình Paint trên đây, thì "Paint" là tên chương trình, "Untitled" là tên của bức vẽ mà chương trình đang làm việc với. Cái tên "untitled" (nghĩa là "vô danh") là tên tạm thời mà Paint đặt cho bức vẽ mới.
- Thanh menu (menu bar): chứa các bảng chọn chức năng của chương trình. Ví dụ chức năng phóng to, thu nhỏ bức tranh nằm trong menu View. Mỗi menu (bảng chọn) có thể chứa các menu con.
- Thanh công cụ (tool bar): thanh này chứa các nút bấm, mỗi nút bấm là một chức năng của chương trình.
- Thanh cuộn (scroll bar): khi chương trình cần nhiều không gian để hiển thị nhưng kích thước khung cửa sổ không đủ, lúc đấy cần có thanh cuộn.
- Thanh trạng thái (status bar): chứa thông tin trạng thái của chương trình. Ví dụ với chương trình Paint trên đây, thanh trạng thái cho biết bức tranh có kích thước 485x246 điểm ảnh và đang ở mức phóng to 100% kích thước thật.

Để thu nhỏ (minimize), phóng to (maximize), đóng (close) khung cửa sổ chương trình bạn

dùng lần lượt các nút ở realized. Khi được thu nhỏ, khung cửa sổ sẽ trở thành một biểu tượng trên thanh taskbar. Khi nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh taskbar này, bạn sẽ khôi phục lại khung cửa sổ.

Phím tắt để đóng chương trình (nút X) là ALT + F4.

Thay đổi kích thước khung cửa sổ: đặt con chuột vào đường viền hoặc góc của khung cửa sổ sao cho con chuột biến thành dấu mũi tên hai chiều, kéo-thả đường viền/góc này sẽ thay đổi được kích thước của khung cửa sổ.

Di chuyển khung cửa sổ bằng cách di chuyển chuột đến thanh tiêu đề rồi kéo thả thanh tiêu đề đến vị trí ưng ý.

Mở nhiều cửa sổ cùng một lúc



Windows là hệ điều hành đa nhiệm (multi task), bạn có thể mở nhiều chương trình cùng một lúc, tuy nhiên mỗi lúc bạn chỉ có thể làm việc với một chương trình (gọi là chương trình hiện hành). Mỗi một chương trình khi được mở sẽ có một biểu tượng tương ứng trên thanh taskbar.

Bạn có thể chuyển từ chương trình này sang chương trình khác bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng trên thanh taskbar đó. Hoặc bạn có thể dùng bàn phím: bấm và giữ phím Alt, sau đó bấm thêm phím Tab một lần – lúc này sẽ có một bảng các chương trình đang chạy hiện ra (như hình vẽ dưới đây). Mỗi lần bấm Tab bạn sẽ chuyển sang chương trình kế tiếp, đến khi vừa ý thì thả cả hai phím ra.



Tương tự như Alt + Tab, bạn có thể bấm CTRL + Windows sau đó bấm thêm phím Tab nhưng lúc này các khung cửa sổ được thể hiện ở dạng 3D rất ấn tượng như hình vẽ dưới đây.



Có nhiều khi bạn mở quá nhiều chương trình làm che hết màn hình nền trong khi lại muốn kích đúp chuột vào một biểu tượng nào đó trên màn hình nền. Để tạm thời hiển thị nền màn hình,

bạn đưa con chuột về tận cùng đầu phải 📃 của thanh taskbar một lúc thì màn hình nền sẽ hiện ra; di chuyển chuột ra ngoài thì màn hình lại mất.

Để thu nhỏ tất cả các cửa sổ và hiện thị lại màn hình nền, hãy bấm nút phải chuột vào một vùng trống trên thanh taskbar, rồi chọn "Show the desktop". Nếu lại muốn phóng to lại tất cả các cửa sổ ở trạng thái trước, lặp lại thao tác bấm nút phải chuột vào thanh taskbar rồi chọn "Show open windows". Phím tắt cho thao tác này là Windows + D.



Các lựa chọn khác là "Cascade windows", "Show windows stacked", "Show windows side by side" có ý nghĩa là tự động bố trí các khung cửa sổ xếp đè lên nhau, xếp chồng lên nhau, xếp cạnh nhau. Hình ?? ở trên chính là cách bố trí khung cửa sổ chương trình theo kiểu Cascade Windows.

6. Cắt dán dữ liệu qua Clipboard

Thao tác "cắt dán" (cut/paste), tức là sao chép/di chuyển dữ liệu là một trong những thao tác phổ biến nhất khi bạn làm việc với ứng dụng trên Windows.

Khi bạn sao chép/di chuyển một đối tượng X (có thể là hình vẽ, đoạn văn bản, file, thư mục) từ vị trí Nguồn sang vị trí Đích thì trước tiên đối tượng X được sao chép vào vùng nhớ đệm có tên là Clipboard của Windows, sau đó bản sao trong Clipboard mới được sao chép ra vị trí Đích. Nếu bạn di chuyển thì đối tượng X sẽ bị xóa khỏi vị trí Nguồn nhưng vẫn còn nguyên trong Clipboard.

Dưới đây là thao tác cắt dán ở trong chương trình Paint nhưng cũng đúng cho mọi chương trình khác như Word, Excel, Powerpoint, AutoCAD, PhotoShop, 3D Studio Max, ...

Xét ví dụ vẽ 1 hình tròn rồi sao ra thành 4 bản như hình bên.

Vào Paint bằng cách chọn Start|All Programs|Accessories|Paint.

Bước 1: Đánh dấu đối tượng cần sao chép.

- Đầu tiên cần tạo ra đối tượng cần sao chép:
 vẽ hình tròn bằng cách chọn Shapes trên thanh menu Shape, rồi chọn biểu tượng hình tròn.
- Tiếp đó khoanh vùng đối tượng cần sao chép: chọn menu Select và chọn Rectangular selection. Tiếp đó rê chuột tạo hình vuông nét đứt để khoanh lại đối tượng cần sao chép.

Bước 2: "Copy" - sao chép đối tượng vào Clipboard: Chọn menu Clipboard, rồi chọn Copy để tạo ra một bản sao của hình tròn trong Clipboard. Cách khác là bấm nút phải chuột để ra một menu và chọn Copy hoặc bấm CTRL + C.

Bước 3: "Paste" - sao chép bản sao trong Clipboard ra các vị trí cần thiết:

- Chọn menu Clipboard, rồi chọn Paste (phím tắt là CTRL + V). Sau đó bạn thu được bản sao của hình tròn, tiếp đó bạn rê chuột hình tròn này ra vị trí ưng ý.
- Lập lại thao tác Paste Rê chuột di chuyển để thu được những bản





X	Cu <u>t</u>		
È	<u>С</u> ору		
	<u>P</u> aste		
攵	C <u>r</u> op		
	Select <u>a</u> ll		
₽,	Invert selection		
X	<u>D</u> elete		
2	R <u>o</u> tate		
G	Re <u>s</u> ize		
1	Inv <u>e</u> rt color		
	-		



sao khác.

Nếu bạn muốn di chuyển hình tròn sang vị trí khác thì trong bước 2 thay Copy bằng Cut (phím tắt là CTRL + X).

Bạn nên nhớ phím tắt cho thao tác cắt dán: CTRL + C (sao chép), CTRL + X (di chuyển), CTRL + V (dán dữ liệu ra vị trí đích).

7. Tạo file mới, mở file cũ, lưu file hiện hành và hộp thoại Open, Save as

Tạo file mới, mở file cũ và lưu file hiện hành là ba thao tác quen thuộc gần như có ở tất cả các phần mềm ứng dụng. Dưới đây minh họa các thao tác này trong chương trình Paint, nhưng cũng đúng cho mọi phần mềm khác như: Word, Excel, PowerPoint, Photoshop, AutoCAD, 3D-Studio Max v.v.

Khái niệm file, đường dẫn thư mục sẽ được nói ở bài sau; ở đây bạn đọc hiểu mỗi bức vẽ trong Paint được gọi là một file. Mở Paint bằng cách chọn Start|All prograsm|Accessories|Paint.

Lưu file lần đầu

Ngay khi bạn chạy Paint, Paint cho bạn một file ảnh trắng để vẽ. Paint tạm đặt tên file ảnh này là Untitled - nghĩa là "không được đặt tên", tên này được hiển thị trên thanh tiêu đề.

Mặc dầu bạn thấy file ảnh trên màn hình nhưng thực chất chỉ là tạm thời, khi tắt máy nó sẽ mất. Nếu bạn muốn giữ lại thì phải thực hiện lưu file vào máy tính bằng cách bấm vào nút

và chọn Save hoặc Save as (lần đầu lưu file Save sẽ giống Save as).

Hộp thoại Save as hiện ra như hình vẽ dưới đây. Nếu bạn không muống lưu file thì bấm vào Cancel (nghĩa là "hủy bỏ") để hủy bỏ thao tác lưu file này đi và quay về file ảnh và file ảnh vẫn ở trạng thái chưa được lưu.

Nếu bạn muốn lưu file thì trong hộp thoại Save as, bạn phải làm 2 việc:

- chỉ ra vị trí để cất file trong máy tính: bạn chọn Computer rồi chọn thư mục cần lưu
- đặt tên file, bao gồm:
 - gõ phần tên file trong ô File name
 - chọn kiểu file trong mục Save as type

(khái niệm đường dẫn thư mục và kiểu file sẽ được nói ở bài sau)

øj 🔜 🕤 🤄 🗢 Untitled - Pa	int
New	
Open	
<u>S</u> ave	
Save <u>a</u> s	×



Xong việc bấm vào nút Save và bạn sẽ thấy tên file mà bạn chọn xuất hiện trên thanh tiêu đề.

Sau khi lưu file bạn có thể tiếp tục sửa chữa nhưng những sửa chữa này lại không được tự động lưu tiếp vào file bạn vừa lưu. Muốn chúng lưu tiếp vào bạn lại phải bấm vào sà và chọn Save (hoặc phím tắt CTRL + S). Như vậy làm đến đâu bạn phải lưu file đến đấy. Chú ý nếu bạn chọn Save as thì những sửa chữa của bạn lại được lưu thành file khác chứ không tiếp vào file bạn đang làm việc (xem mục dưới đây để phân biệt Save và Save as)

Khi làm việc, máy có thể bị mất điện hoặc "treo" do xung đột phần mềm và gây ra mất dữ liệu nếu bạn chưa kịp lưu. Để tránh rủi ro này, hãy tập thói quen thường xuyên lưu file bằng cách bấm CTRL + S.

Save hay Save as

Giả sử bạn đang sửa chữa một file, "save" là lưu những gì bạn vừa sửa chữa vào chính file đó; "save as" ("lưu thành") là lưu những gì bạn vừa sửa chữa thành một file khác do bạn chỉ định.

Nếu bạn mới mở chương trình và đang tạo nội dung cho file thì thao tác "save" sẽ trở thành "save as". Nếu bạn đã có file "bức vẽ cũ.BMP", bạn lấy ra sửa chữa và "save as" thành file "bức vẽ mới.BMP" thì file "bức vẽ cũ.BMP" sẽ được giữ nguyên; file "bức vẽ mới.BMP" sẽ là file "bức vẽ cũ.BMP" cộng với tất cả những gì bạn vừa sửa chữa.

Thông báo lưu file mỗi khi thoát khỏi chương trình

Khi bạn thoát khỏi chương trình Paint (bằng cách bấm vào nút), nếu trước đó bạn không làm gì thì chương trình sẽ thoát. Nếu bạn có vẽ hoặc sửa chữa file cũ gì đó mà chưa lưu file thì Paint sẽ hỏi bạn "Do you want to save changes to <Name>" trong đó Name là tên file mà bạn sửa chữa. Nếu bạn đang vẽ trên một file mới chưa lưu thì file mới đó có tên tạm là Untitled

("không được đặt tên") như hình vẽ dưới đây.

Câu trả lời là:

"Don't Save" để không lưu và thoát ra.
 Mọi thứ bạn làm sẽ mất.



- "Cancel" (hoặc bấm phím Esc ở góc trái
- trên của bàn phím) để hủy bỏ việc thoát ra và quay lại tiếp tục vẽ với Paint (còn việc lưu hay không lưu sẽ quyết định sau).
- "Save" để lưu lại (và sau đó thoát ra).
 - Nếu bạn đang làm việc với file mới chưa lưu thì tiếp đến bạn sẽ gắp hộp thoại Save as như ở phần trên
 - Nếu bạn đang làm việc với một file cũ thì mọi sửa đổi được lưu vào file cũ này và sau đó chương trình sẽ thoát ra.

Tạo file mới và mở file cũ

Ngay khi mở Paint, Paint đã tạo một file mới cho bạn cho dù file mới này chưa được lưu và có tên tạm thời là Untitled.

Nếu bạn đang làm việc với một file (dù là file mới hay file cũ, đã lưu hay chưa lưu) và muốn tạo một file mới khác hoặc mở một file cũ khác để làm việc thì bấm vào và chọn New (để tạo mới) hoặc Open (để mở cũ).

Nếu bạn chọn Open thì hộp thoại Open hiện ra (như hình bên) và bạn chọn vị trí của file cũ mà bạn định mở; cuối cùng bấm Open.

Paint là một chương trình nhỏ, chức năng hạn hẹp: mỗi chương trình Paint chỉ làm việc với một file. Thế nên khi tạo một file mới hoặc mở một file cũ bạn phải đóng file hiện hành lại. Nếu file hiện hành của bạn chưa lưu thì



nó sẽ hỏi Do you want to save changes to <Name> trong đó Name là tên file hiện hành (có thể là Untitled) như ở phần trên.

Để tránh việc đóng file hiện hành lại bạn có thể mở nhiều chương trình Paint cùng lúc và mỗi chương trình Paint làm việc với một file. Tức là bạn phải lặp thao tác chọn Start|All programs|Accessories|Paint.

(Chú ý rằng điều này là khá bất tiện so với các phần mềm lớn như Word, Excel, PhotoShop, AutoCAD ... chúng đều cho phép một chương trình mở nhiều file cùng lúc.)

Phím tắt CTRL + O/S/N

Ba thao tác mở file cũ, lưu file mới, tạo file hiện hành có ở khắp mọi phần mềm ứng dụng. Và tất cả các phần mềm ứng dụng đều chung nhau phím tắt cho 3 thao tác này:

CTRL + O để Open - mở file cũ;

CTRL + S để Save – lưu file hiện hành;

CTRL + N để create a <u>N</u>ew file – tạo file mới.

8. Menu ngữ cảnh và phím ESC

Làm việc với Windows bạn sẽ thường xuyên gặp hộp thoại, thông báo và menu ngữ cảnh. Mục 7 đã nói về hộp thoại và thông báo, mục 6 có nói chút ít về menu ngữ cảnh và vì thế ở đây nhấn mạnh thêm lần nữa.

Bấm nút phải chuột và menu ngữ cảnh

Thao tác bấm nút phải chuột là một thao tác quan trọng đến mức trên bàn phím người ta đã

đặt riêng một phím, là phím **Properties** (nằm giữa CTRL phải và ALT phải), làm phím tắt cho thao tác này. Đã bao giờ bạn dùng phím Properties ?

Khi gặp một đối tượng và bạn muốn xem các tính chất của nó hoặc muốn sửa đổi nó nhưng không biết làm thế nào thì hãy bấm nút phải chuột vào nó. Một menu (bảng chọn) gọi là menu ngữ cảnh sẽ xuất hiện đưa ra những thao tác bạn có thể thực hiện lên đối tượng.

Ở hình bên là menu ngữ cảnh khi bấm nút phải chuột vào một biểu tượng trên màn hình nền. Bạn có thể chọn đổi tên (Rename), xóa (Delete), đưa biểu tượng vào thanh



Taskbar hoặc Start Menu (Pin to Start Menu hoặc Taskbar) và nhiều thao tác khác.

Một ví dụ điển hình khác là menu ngữ cảnh cắt dán: khi có một đối tượng (hình vẽ, đoạn văn bản, biểu tượng trên màn hình nền, file, thư mục ...) để thực hiện sao chép/di chuyển bạn luôn bấm nút phải chuột vào nó để ra menu và chọn Copy hoặc Cut; tiếp đó đến nơi bạn cần sao chép/di chuyển bấm nút phải chuột và chọn Paste.

Các ví dụ khác:

- Muốn sửa thanh taskbar → bấm nút phải chuột vào vùng trống trên thanh taskbar
- Muốn thay ảnh nền màn hình ightarrow bấm nút phải chuột vào vùng trống của màn hình
- Muốn xóa biểu tượng trên nền màn hình ightarrow bấm nút phải chuột vào biểu tượng
- … muốn sửa một cái gì → bấm nút phải chuột vào cái đó.

Để tắt menu ngữ cảnh bạn bấm chuột ra ngoài menu hoặc bấm ESC.

Phím ESC để thoát khỏi hộp thoại, menu, thông báo

Phím ESC nằm ở góc trái trên của bàn phím. Đúng như tên gọi của nó "escape" (phát âm / ske p/) có nghĩa là trốn thoát – nó dùng để thoát khỏi mọi chương trình nhỏ, hộp thoại, menu ngữ cảnh, thông báo.

Mỗi khi bạn gặp một hộp thoại, menu ngữ cảnh, thông báo thì điều đó nghĩa là bạn đã làm một thao tác gì trước đó. Để hủy thao tác này đi và do đó sẽ thoát khỏi hộp thoại, menu ngữ cảnh và thông báo mà bạn đang gặp thì bấm ESC.

Bạn cũng thường bấm ESC khi muốn hủy việc nhập dữ liệu vào một hộp text, chả hạn:

- Trong hộp tìm kiếm của menu Start, bạn đang gõ dở và muốn quay lại từ đầu → bấm ESC
- Trong hộp địa chỉ của Internet Explorer, bạn đang gõ dở địa chỉ mới nhưng lại muốn quay lại địa chỉ cũ → bấm ESC
- Trong Excel, khi bạn đang sửa dữ liệu của một ô và không muốn nữa → bấm ESC

- ...

9. Bàn phím và các thao tác xử lí kí tự đơn giản

Cách gõ nhanh bằng 10 ngón

Nguyên lí của việc gõ phím nhanh là: gõ bằng cả 10 ngón tay, chỉ di chuyển ngón tay và không di chuyển cổ tay, chỉ nhìn vào màn hình mà



không nhìn vào bàn phím. Không nhớ được vị trí các phím kí tự và di chuyển cổ tay nhiều là nguyên nhân gây gõ chậm. Để gõ nhanh bạn cần:

Đặt ngón tay đúng vị trí: Đặt ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải lên phím F và phím J –
 hai phím duy nhất có gờ nhỏ giúp bạn tìm nhanh chúng trên bàn phím. Tiếp đến đặt các ngón giữa, ngón nhẫn, ngón út còn lại lên các phím D, S, A (tay trái) và K, L (tay phải).

Đến đây bạn đã đặt cả 10 ngón tay lên hàng phím trung tâm của bàn phím.

 Di chuyển ngón tay đúng cách:
 Để gõ một phím, di chuyển ngón tay gần với phím đó nhất thay vì di chuyển cả bàn tay. Ví dụ để gõ phím "P" thì đưa ngón nhẫn trái từ phím "L" lên phím "P". Dùng ngón cái để gõ phím cách (phím dài nhất).



Để tập gõ nhanh bạn có thể dùng các phần mềm luyện gõ bàn phím bằng 10 ngón như Ultrakey, Ultimate Typing, Typing Instructor Platinum v.v.

Cách bấm tổ hợp phím tắt

Tổ hợp phím tắt là một tổ hợp các phím được bấm đồng thời trên bàn phím để thực hiện một thao tác nào đó thay vì dùng chuột. Ví dụ thay vì di chuyển chuột và nhấp vào chữ X (relevant) để thoát khỏi chương trình thì bạn có thể bấm ALT + F4 (bấm phím ALT và phím F4 đồng thời).

Cách bấm tổ hợp phím A + B + C (bấm phím A, phím B và phím C cùng lúc): đầu tiên bấm và giữ phím A, sau đó bấm thêm phím B, trong lúc giữ cả phím A và B thì bấm thêm phím C. Như vậy đến tận thời điểm cuối cùng thì ta mới có tổ hợp phím A, B, C được bấm đồng thời.

Phần phụ lục liệt kê các phím tắt thường dùng trong Windows.

Các thao tác gõ kí tự

Để thử nghiệm các phím trên bàn phím, cách tốt nhất là dùng một chương trình soạn thảo văn bản, chả hạn như Wordpad (có sẵn trong Windows). Các thao tác với Wordpad cũng đúng cho MS Word Excel, PowerPoint, v.v. Mở WordPad: chọn Start | All Programs | Accessories | WordPad. Các thao tác tạo file mới (**CTRL + N**), mở file cũ (**CTRL + O**), lưu file hiện hành (**CTRL + S**) của WordPad cũng giống hệt như với Paint đã nói ở phần trước. Phần này chỉ nói về các phím tắt trong soạn thảo.

Di chuyển con trỏ

Khi mở WordPad, bạn sẽ thấy con trỏ "|" nhấp nháy, đây là vị trí mà kí tự bạn gõ sẽ được chèn vào. Dùng các phím mũi tên $\leftarrow, \uparrow, \rightarrow, \downarrow$ để di chuyển con trỏ.

Bấm HOME để đưa con trỏ về đầu dòng, bấm END để về cuối dòng.

Khi văn bản dài, bấm CTRL + HOME – nhảy về đầu văn bản, CTRL + END – nhảy về cuối văn bản; bấm Page Up để lên một trang màn hình, Page Down để xuống một trang màn hình.

Tạo khoảng cách

- Phím "cách" (spacebar) phím dài nhất bàn phím để tạo ra một khoảng cách giữa các kí tự. Bởi phím này hay được dùng nhiều nhất nên người ta thiết kế nó dài cho dễ bấm.
- Phím **TAB** để tạo ra một khoảng cách lớn hơn, có thể bằng 4 phím "cách".

Viết hoa/viết thường:

- Shift:
 - SHIFT + phím kí tự → viết hoa kí tự đó. Ví dụ Shift + "a" = "A"
 - SHIFT + phím 2 kí tự \rightarrow lấy kí tự trên của phím đó. Ví dụ SHIFT + 3# = #
- Caps lock: bật/tắt chế độ viết hoa/viết thường. Khi đèn Caps Lock sáng, mọi kí tự bạn gõ vào sẽ thành hoa.

Xóa kí tự: Ở vị trí con trỏ đang nhấp nháy, bạn bấm

- DELETE: xóa kí tự bên phải con trỏ
- BACKSPACE (phím ←, nằm trên phím Enter): xóa kí tự bên trái con trỏ.

Xuống dòng và nối dòng

- Bấm ENTER để xuống dòng.
- Ngắt dòng: Nếu di chuyển con trỏ đến giữa dòng và bấm Enter thì dòng sẽ được ngắt đôi tại vị trí đó.
- Nối dòng: Để nối hai dòng gần nhau thì ta xóa khoảng trống giữa hai dòng đó đi bằng cách hoặc bạn di chuyển con trỏ đến cuối dòng trên và bấm DELETE. Hoặc bạn di chuyển con trỏ xuống đầu dòng dưới và bấm BACKSPACE.

Chế độ chèn/đè kí tự

Nếu bấm phím INSERT thì kí tự mà bạn sắp gõ vào sẽ đè lên kí tự đang có. Bấm INSERT lần nữa để quay lại chế độ đè như mặc định.

Các thao tác cắt dán kí tự

Giống như mọi thao tác cắt dán đối tượng qua Clipboard trong Windows, cắt dán kí tự (sao chép/di chuyển kí tự) cũng gồm 3 bước:

- Bước 1: đánh dấu phần văn bản cần sao chép/di chuyển (sẽ nói ở phần dưới đây)
- Bước 2: sao chép/di chuyển đoạn văn bản này vào bộ nhớ đệm Clipboard bằng cách bấm CTRL + C (để sao chép) hoặc CTRL + X (để di chuyển)
- Bước 3: sao chép (dán) đoạn văn bản đang nằm trong Clibboard vào vị trí ưng ý bằng cách bấm CTRL + V

Để đánh dấu ("bôi đen") đoạn văn bản để sao chép/di chuyển, có thể làm theo một trong các cách:

- SHIFT + phím di chuyển ←,↑,→,↓ để bôi đen bằng các phím di chuyển.
- SHIFT + HOME/END để đánh dấu từ vị trí con trỏ đến đầu dòng/cuối dòng.
- Rê chuột lên đoạn văn bản cần đánh dấu. Nếu muốn đánh dấu nhiều đoạn văn bản rời nhau: giữ phím CTRL trong lúc đánh dấu các đoạn văn bản.
- CTRL + A: đánh dấu toàn bộ văn bản.

10. Gõ tiếng Việt

Để gõ tiếng Việt bạn cần phần mềm gõ tiếng Việt; tài liệu này chọn phần mềm Unikey (tác giả Phạm Kim Long) – phần mềm gõ tiếng Việt (miễn phí) phổ biến nhất hiện nay.

Để *hiểu* về việc gõ tiếng Việt bạn cần nắm được 3 khái niệm **bảng mã, font chữ** và **kiểu gõ**; còn để *làm* bạn chỉ cần thực hiện 3 thao tác: chạy chương trình gõ tiếng Việt, bật chế độ gõ tiếng Việt của chương trình, chọn bảng mã và font chữ khớp nhau là gõ được tiếng Việt.

Khái niệm: bảng mã – font chữ - kiểu gõ

Định nghĩa chặt chẽ về bảng mã, font chữ thì khá phức tạp, nhưng có thể hiểu nôm na như dưới đây.

Bàn phím chỉ có 104 kí tự nhưng thực tế Windows có thể lưu trữ được nhiều kí tự hơn, chả hạn Windows có thể lưu trữ được các kí tự â, ă, á, à, ã, ả, ạ ... nhưng các kí tự này không hiện trên bàn phím. *Tập tất cả các kí tự mà Windows có thể lưu giữ được gọi là* **bảng mã**. Bởi mỗi quốc gia có ngôn ngữ riêng với nhiều kí tự chữ viết đặc biệt nên người ta đã xây dựng một bảng mã toàn cầu, gọi là **bảng mã Unicode,** *chứa tất cả các kí tự đặc biệt của mọi ngôn ngữ trên thế giới*. Kể từ phiên bản Windows XP năm 2002, Microsoft cài đặt bảng mã Unicode trong các phiên bản Windows và Office.

Bảng mã Unicode chứa đầy đủ mọi kí tự dấu của tiếng Việt cho dù các kí tự dấu này không xuất hiện trên bàn phím. Nhiệm vụ của phần mềm gõ tiếng Việt, còn gọi là **bộ gõ tiếng Việt,** là giúp

người dùng lấy ra các kí tự đặc biệt trong bảng mã của Windows. Phần mềm bộ gõ sẽ qui định **kiểu gõ**, tức là cách kết hợp các phím trên bàn phím để lấy ra được các kí tự dấu đặc biệt. Ba kiểu gõ tiếng Việt thông dụng hiện nay là: **kiểu gõ Telex** (oo = ô, aa = â, ee = ê, ...), **kiểu gõ VIQR** (a[^] = ô, a. = ạ, a[~] = ã, ...), **kiểu gõ VNI** (a1 = á, a2 = à, a3 = ả, ...). Cách gõ Telex là nhanh nhất vì ít phải di chuyển ngón tay hơn so với các kiểu khác và vì thế mà nó trở thành kiểu gõ ưa chuộng nhất hiện nay.

Bảng mã có liên quan chặt chẽ với **font chữ**. Thực ra mỗi kí tự, chả hạn "a", trong bảng mã được định nghĩa một cách trừu tượng, chỉ có cái thể hiện (hình dáng, đường nét) cụ thể của chữ cái "a" mới được qui định cụ thể qua font chữ (dáng chữ). Ví dụ cùng là chữ cái "a", "m", "g" trong bảng mã nhưng hình dáng cụ thể của nó có thể là **a m g** (nét đứng, không chân, kiểu

in máy) nếu thể hiện bằng font chữ Arial, hoặc \mathcal{U} \mathcal{M} \mathcal{J} (nét nghiêng, có chân, kiểu

viết tay) nếu thể hiện bằng font chữ Freestyle Script.

Trước năm 2002, khi bảng mã Unicode chưa phổ biến và chưa được đưa vào Windows, người Việt Nam đã tự làm ra quá nhiều bảng mã, mỗi bảng mã lại đi kèm với một bộ font riêng, dẫn đến tình trạng văn bản tiếng Việt soạn ở máy này không hiển thị đúng ở máy khác (do thiếu font, khác bảng mã). May thay sau năm 2002, khi Windows hỗ trợ Unicode và các font chữ Unicode có sẵn trong Windows (như Times New Roman, Arial trong Windows XP, Calibri, Cambria, trong Windows 7) hiển thị các kí tự tiếng Việt rất đẹp nên vấn đề thống nhất bảng mã và font chữ tiếng Việt được giải quyết triệt để. Ngày nay để gõ tiếng Việt bạn chỉ cần mỗi phần mềm bộ gõ tiếng Việt, không phải cài thêm font chữ gì, chỉ cần dùng luôn font chữ Unicode sẵn có trong Windows là có thể gõ được tiếng Việt. Việc dùng các font chữ có sẵn của Windows cũng đảm bảo luôn là khi mang sang máy tính cài Windows khác, văn bản của bạn sẽ được hiển thị tiếng Việt đúng đắn.

Nếu bạn có thói quen dùng font chữ cũ và bảng mã cũ (mà chúng tôi không muốn nêu tên ra đây) thì hãy chuyển sang bảng mã Unicode với font Unicode như Times New Roman, Arial hay Calibri, Cambria để tránh rắc rối cho chính bạn và người khác.

Sử dụng Unikey để gõ tiếng Việt

Để gõ được tiếng Việt theo bảng mã Unicode và kiểu gõ Telex (kiểu gõ phổ biến nhất hiện nay) bạn cần làm 3 bước: chạy Unikey, bật chế độ gõ tiếng Việt và chọn font chữ đúng.

Trên hộp thoại, bấm vào nút Mở rộng (hay Expand) và bạn nên chú ý đến các mục sau:

 Bật hộp thoại này khi khởi động (Show this dialog box at strartup): mỗi lần bạn chạy Unikey thì hộp thoại này hiện ra nhưng điều này là không cần thiết vì bạn chỉ cần dùng mỗi biểu tượng M hoặc
 trên thanh taskbar thôi.

Chú ý nút "Đóng" ở đây không có nghĩa là thoát khỏi Unikey, nó chỉ đóng mỗi hộp thoại thôi; thực tế Unikey vẫn đang chạy - thể hiện qua biểu tượng ☑ hoặc 🖃 trên thanh taskbar. Nếu muốn thoát khỏi Unikey thì bấm nút phải chuột vào biểu tượng ☑ hoặc 🗐 và chon **Kết thúc**.

Nếu hộp thoại không hiện ra thì bạn có thể mở nó bằng cách kích đúp chuột vào biểu tượng 💹

- Khởi động cùng Windows (Auto-run Unikey at boot time): tự chạy Windows mỗi lần bạn bật máy (như vậy bạn không cần mất công chạy Unikey nữa).
- Vietnamese interface (Giao dien tieng Viet): chuyển đổi qua lại giữa giao diện tiếng Việt hay tiếng Anh của chương trình Unikey (chú ý đây không phải là chế độ gõ kí tự tiếng Việt hay tiếng Anh).

Khi Unikey chạy, nó sẽ tạo ra biểu tượng chữ 🔽 (để gõ tiếng Việt) hoặc chữ 트 (để gõ tiếng Anh) ở đầu phải của thanh taskbar (vùng notification).

Ngoài ra Unikey có thể hiện ra hộp thoại như hình bên (giao diện hộp thoại này có thể là tiếng Anh - khác với ở đây là tiếng Việt). Nếu bạn muốn tinh chỉnh Unikey thì làm tiếp như dưới đây, còn không thì có thể bấm vào nút **Đóng (Close)** để đóng

hoăc 🗐 trên thanh taskbar.

hộp thoại này lại và chuyển sang bước 2.

🐨 UniKey 4.0 RC2	×
Điều khiễn Bảng mã: Unicode ✔	🖌 Đóng
Kiểu gõ: Telex Phím chuyển: ● CTRL + SHIFT ○ ALT + Z	Kết thúc
Nặc định Mặc định	< mo rong

Unikey, bạn cần tìm file UnikeyNT.exe ở đâu đó trong ổ cứng để chạy. Nếu vẫn không có nữa thì bạn phải download Unikey trên Internet về.

Nếu Unikey đã được cài đặt trên máy của bạn thì thông thường sẽ có biểu tượng Unikey trên nền màn hình (như hình vẽ) (hoặc trong Start|All Programs|Unikey), bạn chỉ việc kích đúp chuột vào đó để chạy Unikey. Nếu không có biểu tượng

Bước 1 - Chay Unikey

u i n UniKay

Bước 2 - Bật chế độ gõ tiếng Việt và chọn bảng mã Unicode, kiểu gõ Telex.

Bạn bấm chuột để có biểu tượng
(Vietnamese) nếu muốn gõ dấu tiếng Việt hoặc
(English) để tắt chế độ gõ dấu này đi.
Bạn có thể dùng phím tắt CTRL + SHIFT để chuyển đổi giữa 2 chế độ gõ dấu/không gõ dấu này.

Bạn (**phải**) chọn bảng mã Unicode và (nên) chọn kiểu gõ Telex bằng cách bấm nút phải chuột vào biểu tượng ☑ hoặc 亘 để có một menu hiện ra (như hình bên) và chọn **Unicode dựng sẵn** và **Kiểu gõ | Telex**.



Thực tế, như bạn thấy ở hộp thoại của Unikey (xem hình trên), thì *Unikey đã đặt mặc định bảng mã Unicode dựng sẵn và kiểu gõ Telex* rồi nên thậm chí bạn không cần phải làm bước này nữa.

Bước 3 - Chọn font chữ Unicode và gõ tiếng Việt

Sau 2 bước trên bạn có thể gõ tiếng Việt ở bất kì nơi đâu trong Windows (trừ trong Notepad và các văn bản kiểu plaintext như .txt vì chúng không dùng bảng mã Unicode).

Rất nhiều phần mềm như Wordpad, Office (Word, Excel, PowerPoint, …), AutoCAD, PhotoShop, ... có chức năng soạn thảo kí tự và bạn phải chọn font (dáng chữ) cho những kí tự bạn gõ vào. Hiển nhiên bạn phải chọn font Unicode và dưới đây là danh sách các font Unicode vừa có sẵn trong Windows vừa thể hiện các kí tự dấu tiếng Việt rất đẹp:

- Từ thời Windows XP trở về trước: <u>Times New Roman</u>, Arial, Tahoma, Verdana, Courier New, Microsoft Sans Serif, MS Reference Sans Serif, Modern, Lucida Sans Unicode, Palatino Linotype. Times New Roman là font chữ mặc định trong Windows XP và Office 2003
- Từ thời Windows Vista, Windows 7, 8: ngoài các font chữ ở trên, còn có thêm <u>Calibri</u>, Cambria, Candara, Consolas, Corbel, Constantia, Segoe UI. Calibri là font chữ mặc định trong Windows Vista, Windows 7, 8 và Office 2007, 2010, 2013.

Trong Office như Word, Excel, PowerPoint các font chữ Calibri, Times New Roman, Arial đã được thiết lập mặc định nên thậm chí bạn không cần phải chọn font mà gõ tiếng Việt luôn.



Trong Wordpad hay MS Word, để chọn font cho chữ: rê chuột bôi đen đoạn vân bản, bấm vào nút font chữ trên thanh công cụ như hình bên và chọn font chữ.

Cách gõ tiếng Việt theo kiểu Telex

Để thực hành gõ tiếng Việt, hiển nhiên bạn cần một chương trình soạn thảo, chả hạn như WordPad (chọn Start|All Programs|Accessories|WordPad). Dưới đây là trích đoạn hướng dẫn gõ tiếng Việt theo kiểu Telex (kiểu gõ nhanh nhất và phổ biến nhất hiện nay) của chính phần mềm Unikey.

Để gõ các chữ cái Việt có dấu bạn phải gõ chữ cái chính trước, sau đó gõ các dấu thanh, dấu mũ, dấu móc. Khi gõ dấu bạn phải chú ý vị trí của dấu, ví dụ bạn có thể gõ "tóan" (sai chính tả) thay vì "toán" (đúng chính tả). Unikey khuyên bạn nên gõ dấu ở cuối từ để Unikey tự đặt dấu ở vị trí đúng.

Phím	Dấu
S	Sắc
f	Huyền
r	Hỏi
х	Ngã
j	Nặng
	- Dấu trăng trong chữ ă,
14/	- Dấu móc trong chữ ư,
vv	о'.
	- Chữ w đơn lẻ tự động

	chuyển thành chữ ư.	
1	Xoá dấu đã đặt.	
Z	Ví dụ: toansz = toan	
Phím	Chữ	
аа	â	
dd	đ	
ee	ê	
00	Ô	
[gõ nhanh chữ ư	
]	gõ nhanh chữ ơ	

Ví dụ:

tieengs Vieetj = tiếng Việt dduwowngf = đường

Trong trường hợp bạn gõ sai dấu mà vẫn chưa di chuyển ra khỏi từ đang gõ thì có thể gõ đè dấu mới. Ví dụ: **toanfs** = toán, **toansz** = toan.

Nhắc lại rằng bạn nên gõ phím dấu ở cuối từ để UniKey đặt dấu vào vị trí đúng chính tả tiếng Viêt. Ví dụ: để gõ chữ "**hoàng**", thay vì gõ **hofang** hay **hoafng**, hãy gõ **hoangf**.

Khi bạn phải gõ từ tiếng Anh trong một văn bản tiếng Việt, nhiều chữ tiếng Anh như "w", "s" bị hiểu là dấu tiếng Việt. Để tránh tình trạng này bạn chỉ cần gõ lặp kí tự bị hiểu nhầm đó thêm một lần nữa, Unikey sẽ khôi phục lại kí tự bạn cần.

Vídụ: WWindowws = Windows

11. **Refresh - F5**

Trạng thái của máy tính liên tục biến đổi, có nhiều khi trạng thái của máy tính đã thay đổi nhưng màn hình hiển thị thì vẫn ở trạng thái cũ. Để cập nhật lại việc hiển thị trạng thái mới này (gọi là refresh – làm tươi mới lại) bạn bấm phím F5.

Ví dụ 1: bạn vừa cài đặt một chương trình và theo cài đặt biểu tượng của chương trình sẽ xuất hiện trên màn hình nền. Tuy nhiên màn hình nền dường như bị chết cứng, bấm F5 để màn hình cập nhật thêm biểu tượng mới.

Ví dụ 2: bạn vào một trang web được một lúc, bạn biết trạng thái của nó phải thay đổi nhưng không thấy gì chuyển biến → bấm F5 để chương trình duyệt web cập nhật lại trạng thái mới.

12. **Treo máy: CTRL+ALT+DELETE và** Windows Task manager

Có nhiều khi bạn chạy một chương trình nào đó và chương trình đó chiếm hết RAM và CPU của máy tính, khiến cho máy tính ngưng trệ lại và với mọi thao tác bạn làm máy đều không phản ứng lại (gọi là "not responding") – tình trạng này được gọi là treo máy. Cách giải quyết là chờ cho đến khi trạng thái này hết. Nêu chờ lâu quá bạn phải cố đóng chương trình gây treo máy lại, nếu đóng cũng không được bấm CTRL + ALT + DELETE và một màn hình xanh hiện ra như dưới đây:

Lock this computer
Switch User
Log off
Change a password
Start Task Manager
Cancel
Strate Windows ⁻⁷ Ultimate

Ban có thể chon:

Lock computer hoặc Switch off hoặc Log off: khóa máy, đăng xuất hoặc chuyển sang tài

khoản khác	Windows Task Manager	
(xem mục 15)	File Ontions View Windows Help	
Start Task	<u>File Options view windows Help</u>	
Manager: để	Applications Processes Services Performance	Networking Users
chạy		
Windows	Task	Status
Fask Manager - chương trình quản lí	HP Total Care Advisor Chttp://h71036.www7.hp.com/hho/cache/56 Microsoft Windows	Running 5531 Not Responding Running
	End Task S	witch To New Task
	Drocesses 67 CDITTIsade 2% Dhysic	al Memory: 34%

Star Man chạy Win Task _ trình tiến trình (các chương trình đang chạy) của Windows.

Nếu chỉ để mở Windows Task Manager, bạn chỉ cần bấm CTRL + SHIFT + ESC.

Với Window Task Manager, bạn bấm vào mục Application và tìm chương trình gây treo máy (làm cho máy "not responding") rồi bấm End Task để đóng nó lại. Việc làm này có thể gây ra mất dữ liệu.

Ngoài chức năng đóng chương trình, bạn cũng có thể xem thông tin về việc sử dụng RAM và CPU của máy trong mục **Performance**.

13. Ba tùy chỉnh đơn giản với giao diện Windows

Để thực hiện những thay đổi đơn giản về giao diện của Windows như ảnh màn hình nền, hình con chuột, đặt gadget, ..., bạn bấm nút phải chuột vào màn hình nền và chọn một trong ba mục: Screen resolution, Gadgets, Personalize.

Screen resolution (độ phân giải màn hình)

Màn hình máy tính trông có vẻ rất mịn nhưng thực ra được tạo ra từ những điểm ảnh (pixel) rời rạc. Độ phân giải màn hình được cho bằng số điểm ảnh theo chiều rộng X số điểm ảnh theo chiều dài.

Càng nhiều điểm ảnh, màn hình trông càng mịn (nét) và thể hiện được nhiều biểu tượng, hình vẽ hơn nhưng mọi thứ sẽ nhỏ hơn đi.

Bạn bấm vào thanh trượt trong mục Resolution để điều chỉnh độ phân giải, cuối cùng bấm OK để thực thi. Mục Displays giúp bạn kết nối máy laptop với máy chiếu.

Personalize (cá nhân hóa giao diện Windows)

Các mục ở hàng ngang phía dưới

 Desktop Background: Thay đổi ảnh nền màn hình. Sau khi chọn Desktop Background, ở mục Picture Location, bạn chọn Windows Desktop Backgrounds rồi chọn một bức ảnh sẵn có hoặc bấm nút Browse để dùng file ảnh của riêng bạn làm ảnh nền màn hình.



	View Sort by Refresh	+
	Paste Paste shortcut	
	New	۲
	Screen resolution	
÷	Gadgets	
2	Personalize	

→ Bài tập đề nghị: hãy vẽ một bức tranh bằng Paint (xem ở trên) lưu lại ở đâu đó rồi lấy ra làm ảnh nền màn hình.

 Sounds: Thay đổi âm thanh báo hiệu của các thao tác với Windows. Sau khi chọn Sounds, bạn hãy thử nghiệm âm thanh cho các sự kiện trong Program Events với nút



Test.

Screen saver: thay đổi màn hình chờ. Khi bạn rời máy làm việc một lúc lâu, Windows tự động đưa màn hình về "trạng thái chờ" lúc đó màn hình sẽ hiện ra nhiều hoạt họa kì thú để che đi công việc đang dở của bạn. Các hoạt họa này nằm trong hộp Screen saver

Các mục ở hàng dọc phía trái

- Change Mouse Pointer: Thay đổi hình chuột.
- Change your account picture: Thay đổi ảnh account của bạn. Ảnh này hiện ra trên menu Start và ở màn hình đăng nhập.
- Taskbar and Start menu: đúng như tên gọi, bạn sẽ tùy chỉnh lại thanh Taskbar và menu Start

Mục Aero theme ở vị trí trung tâm:

Theme (chủ đề) là một tập các tùy chỉnh về ảnh nền màn hình, hình chuột, âm thanh cho các sự kiện, v.v theo một phong cách nào đó. Windows cung cấp sẵn cho bạn 7 themes, hãy thử trải nghiệm!

Gadget (chương trình nhỏ trên nền màn hình)

Gadget (phát âm /'æd t/) là một chương trình nhỏ chạy trên màn hình nền cung cấp thông tin một cách nhanh chóng cho người dùng. Nó có thể là một ô vuông dự báo thời tiết, một ô báo với các tít mới cập nhật; khi người dùng đang làm việc và muốn xem có tin tức gì mới họ không phải ngưng lại việc để mở trang web tin tức mà chỉ việc liếc nhìn vào Gadget.



Windows cung cấp cho bạn 9 Gadget (như hình vẽ dưới đây), bấm vào một trong các gadget này bạn sẽ có được chúng trên nền màn hình. Để tùy chỉnh Gadget bạn đưa chuột vào góc phải trên của Gadget, một menu sẽ hiện ra (như hìn vẽ với Gadget cái đồng hồ), tiếp đó bạn chọn biểu tượng cái cờ-lê (Option).



14. Xem thông tin về hệ điều hành và phần cứng của máy tính

Khi bạn muốn biết các thông tin về cấu hình phần cứng máy tính và phiên bản hệ điều hành bấm Windows + Pause/Break (phím Pause/Break nằm ở góc phải phía trên của bàn phím) hoặc chọn Start, bấm nút phải chuột vào Computer trên menu Start rồi chọn Properties. Bạn sẽ thu được một khung cửa sổ như hình vẽ bên với các thông tin:

🕥 🗢 🖳 « System and Se	🕨 System 👻 🗲	earch Control Panel	
C	Windows edition		
Control Panel Home	Windows 7 Home Premiur	m	\frown
Device Manager	Copyright © 2009 Microso	oft Corporation. All rights reserved.	
Remote settings	Service Pack 1		
System protection	Get more features with a n	ew edition of windows /	
Advanced system settings			
	System		
	Manufacturer	Dell	
	Model:	XPS 502X	
	Rating:	5-7 Windows Experience Index	
	Processor:	6.00 GR (5.00 GR ucable)	
	System type:	64-bit Operating System	
	Pen and Touch:	No Pen or Touch Input is available for this Display	-
	Dell support		
	Website:	Online support	
	Computer name, domain, and	l workgroup settings	
	Computer name:	ThangTran-PC	🚱 Change settings
	Full computer name:	ThangTran-PC	
	Computer description:		
See also	Workgroup:	WORKGROUP	
Action Center	Windows activation		
Windows Update	Windows is activated		
Performance Information and	windows is activated		denuine 🔨

- Windows Edition: phiên bản Windows có thể là bản Starter, Home Premium,
 Professional, Enterprise, Ultimate. Ngoài ra còn có bản vá lỗi Service Package 1
- Windows Activation: phiên bản Windows đã được đăng kí với Microsoft hay chưa. Khi bạn kích hoạt việc đăng kí với Microsoft qua mạng Internet, Microsoft sẽ kiểm tra và xác nhận phiên bản bạn đang dùng có hợp pháp hay là phiên bản "bẻ khóa". Nếu hợp pháp Microsoft sẽ cài biểu tượng GENUINE ("chính hiệu, đích thực") vào góc trái dưới.
- Processor: bộ vi xử lý (CPU) với kiểu (system type) 32 bit hay 64 bit
- Installed memory (RAM): bộ nhớ trong
- Rating: Windows chấm điểm độ mạnh máy tính của bạn theo thang điểm 7.9. Bấm vào Windows Experience Index để biết cụ thể điểm thành phần của card đồ họa, RAM, CPU, ổ đĩa cứng.
- Computer name tên máy tính và Workgroup tên mạng LAN mà máy tính tham gia.
 Thông tin này sẽ có ích nếu bạn cần nối mạng.
- Manufacture và Model: tên nhà lắp ráp máy tính và mã số dòng máy.

15. Đăng xuất, tắt máy và ngủ đông

Khi bạn cần tắt/khởi động lại máy tính hoặc tạm dừng làm việc thì bạn chọn Start, rồi chọn hình mũi tên bên cạnh chữ Shut down hay Hibernate như dưới đây



Các chức năng hay được dùng là Shut down, Restart, Log off, Hibernate.

Thoát khỏi tài khoản người dùng – Switch user, Log off, Lock

Như ở mục 1 đã nói, hệ điều hành windows cho phép nhiều người dùng, mỗi người có một cách tùy chỉnh và những tùy chỉnh này được lưu lại thành user account – tài khoản người dùng. Khi bạn làm việc với Windows tức là bạn đã đăng nhập (log in) vào Windows theo một tài khoản nào đó.

- Log off: Thoát ra khỏi tài khoản người dùng và quay về màn hình đăng nhập (log in).
 Windows sẽ yêu cầu bạn lưu cả các dữ liệu bang đang làm dở rồi thoát ra khỏi tất cả chương trình kết thúc một phiên làm việc.
- Lock: khóa máy. Windows sẽ tạm thời che màn hình làm việc của bạn và thay bằng một màn hình hỏi password để bạn có thể rảnh tay rời máy tính mà không sợ ai đó can thiệp vào công việc đang dở của mình.
- Switch user: Windows sẽ giữ nguyên công việc hiện hành của bạn và tạm thời chuyển sang màn hình đăng nhập để người dùng khác có thể đăng nhập. Nếu người khác tắt máy, vô tình họ sẽ làm mất dữ liệu của bạn. Khi đăng nhập lại, bạn sẽ tiếp tục với dữ liệu đang dở của mình trước đó.

Tắt/Khởi động lại và "ngủ đông" máy – Shut down, Restart, Sleep, Hibernate

- Shut down: tắt máy. Windows sẽ yêu cầu bạn lưu lại (hoặc hủy bỏ) tất cả các dữ liệu bạn đang làm việc dở, sau đó nó tự đóng tất cả các chương trình đang mở và ngắt nguồn điện.
- Restart: khởi động lại máy. Windows sẽ thực hiện shut down như trên rồi bật lại máy luôn.

- Sleep: Windows sẽ đưa máy tính về trạng thái ít tốn điện nhất bằng cách: tắt màn hình, dừng chạy các ổ đĩa, v.v nhưng vẫn giữ nguyên mọi công việc của bạn. Bạn sẽ thấy màn hình tắt và để "đánh thức" máy khỏi trạng thái "ngủ" này hãy bấm một phím bất kì, hoặc di chuyển chuột hoặc bấm nút Power. Khi máy tính "thức dậy", windows sẽ hỏi bạn password để quay lại làm việc.
- Hibernate: ngủ đông. Giả sử bạn đang gõ văn bản và lướt web, rồi thực hiện Hibernate.
 Windows sẽ lưu giữ lại trạng thái hiện hành của máy tính (xuống ổ đĩa cứng) và tắt nguồn điện. Khi bạn bật máy lại, bạn sẽ thấy văn bản đang gõ, các trang web đang mở của mình như trước khi hibernate.